

QUAN ĐIỂM CỦA PHAN BỘI CHÂU VỀ TÔN GIÁO

LÊ TUẤN ĐẠT^(*)

Phan Bội Châu sinh ra và lớn lên trên quê hương Nghệ An, nơi có truyền thống yêu nước chống pháp, cũng là nơi khởi phát phong trào “Bình tây Sát tả”. Lúc còn bé, cũng như bao đứa trẻ cùng trang lứa tinh nghịch, Phan bắt chước theo người lớn tổ chức trò chơi “Bình tây”; 18 tuổi viết “*Bình tây thu bắc*”; năm 1885 khi thân hào nghĩa sĩ nô nức tòng quân Cần Vương, Phan tập hợp bạn bè lập “thí sinh quân”. Cụ Phan đã tận mắt chứng kiến những hành động anh hùng cứu nước, chứng kiến những bất công xã hội, cảnh lương, giáo đồng bào ruột thịt chém giết lẫn nhau, những cuộc khởi nghĩa bị chìm trong biển máu khiến làng xóm tiêu điều, dân chúng điêu linh, tình cảm lương, giáo chia cắt. Phan hâm mộ những người như Trần Tấn, Đặng Như Mai, Phan Đình Phùng nhưng cũng nhìn thấy hạn chế của họ, nhất là khẩu hiệu “sát tả” mà cụ cho là dẫm theo vết xe đổ của thời kì cấm đạo “dã man”, “kì quái” của nhà Nguyễn. Sau này trong *Việt Nam vong quốc thảm trạng*, Phan còn nhắc tới nỗi đau này:

“Dân với quan nhiều người tức chí,

Bảo nhau ra “sát tả bình tây”

Lúc bấy giờ lương giáo đau đây

Dân một nước chia làm hai ngã”⁽¹⁾

Là một nhà nho yêu nước nhưng khác với các môn đồ “cửa Khổng sân Trình”

trước đây, Phan đã được đọc nhiều sách tân thư của các sĩ phu trong nước như Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ; các sĩ phu Trung Quốc như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, v.v... và một số nhà triết học ánh sáng của Châu Âu, thậm chí sau này cụ còn tiếp cận cả với một số tác phẩm của Mác, mặc dù chỉ cùng thông qua nguồn sách chữ Hán. Chính vì thế tư tưởng của cụ có nhiều nét cởi mở và thực tế hơn các nhà nho trước đó.

Riêng vấn đề tôn giáo, có thể khẳng định ngay rằng, Phan Bội Châu vẫn đứng trên lập trường Nho giáo khi phê phán, nhưng đó là một nhà Nho yêu nước có chủ trương dân chủ. Nếu so sánh quan điểm của Phan Bội Châu với các Nho sĩ trong phong trào Cần Vương 20 năm trước đó ta sẽ thấy có nhiều cách biệt, nếu không muốn nói là một quan niệm khác biệt, và nếu so sánh với quan điểm chung lúc bấy giờ của phân đông dân chúng cũng cho thấy đó là một quan điểm cách mạng.

1. *Quan điểm về Trời, Thần, Phật, Thiên Chúa*

Là một môn đồ trung thành của Khổng Tử, có lúc chủ trương tìm về Nho học của Khổng Tử qua tiếp cận trực tiếp

*. Giảng viên Khoa KHXH&NV- Trường Quân sự Quân khu 3- Chí Linh- Hải Dương.

1. Chương Thâu (sưu tầm và biên soạn). *Phan Bội Châu toàn tập*, Tập 3. Nxb. Thuận Hoá, 1990, tr.121.

với trước tác của Khổng Tử, không qua Tống, Hán Nho và các chú giải của các đời khác, cho nên Phan Bội Châu cũng học Khổng Tử là “quỷ thần kính nhi viễn chi”, không bàn tới quỷ thần, không bàn đến Trời, đến lễ chết, đến Thiên đường, Địa ngục. Có lúc buộc phải bàn đến thì cụ cũng chỉ nói một cách e dè kiểu như: “Nếu có thần thì thần cũng chỉ là hơi hương phảng phất”⁽²⁾.

Nhưng do vấp phải thực tế là quan niệm về Trời, thần chi phối rất nhiều trong cuộc sống của mỗi người dân nên Phan Bội Châu dù không muốn vẫn phải bàn đến Trời, đến thần trong quá trình tuyên truyền cách mạng. Và khi đó cụ lại vấp phải vấn đề là muốn lí giải nó nhưng Khổng Tử mà cụ theo thì lại tránh không bàn đến, cho nên lại phải đến với Trương Tải dùng lí và khí để giải thích. Trước Phan Bội Châu, những người như Nguyễn Đức Đạt, Bùi Dương Lịch và nhất là vua Tự Đức đã dùng tới quan niệm này để chống lại Công giáo. Trời hay ông Trời, như theo các nhà nho này, không phải là vị chủ thần sáng tạo vũ trụ như Thiên Chúa, cũng không phải vị thần hữu hình có lí trí là cha của các ông vua trần thế như Hán Nho quan niệm. Trong *Đạo biến*, vua Tự Đức cho rằng, Trời chẳng qua là “khí thanh”, “sinh sinh hoá hoá là lí tất nhiên, không thể coi là mệnh mông không bờ bến, cho nên phải quy cái lí đó vào Trời. Vậy, Trời chẳng qua là lí và khí mà thôi”⁽³⁾. Phan Bội Châu không gọi Trời là “khí thanh” nhưng cũng sử dụng một cụm từ tương tự, coi Trời là “khí thiêng ở giữa không gian”, “Trời Đất là do khí ngưng kết lại mà thành ra”. Sự hình thành và sống chết của con người, của muôn vật chung quy cũng đều ở lí và khí, khí tụ thì thành khí tan thì mất. Mà như thế thì không có

thiên đường cũng chẳng có địa ngục, linh hồn không phải là thiêng liêng bất tử như các tôn giáo khẳng định. Phan Bội Châu phê phán thuyết báo ứng của nhà Phật là “mù mịt”, thuyết Thiên đường, Địa ngục của Công giáo là lừa dối người. Và, dường như bất chấp thực tế là dân ta tin và theo hai thuyết đó rất đông, nhất là Công giáo chỉ mấy chục năm trước vua quan nhà Nguyễn dù cố gắng và dùng nhiều cách nhưng không thể dẹp bỏ nổi, Cụ cho rằng các tôn giáo đặt ra thuyết ấy cũng chỉ dọa dẫm được “hạng đàn bà con trẻ không biết gì mà thôi”, và rồi đột nhiên Cụ cũng trở nên cực đoan y như những nhà Nho khác khi tuyên bố: “Đạo Khổng thì không thế, không bảo người ta tin mà người ta tự tin, không bảo người ta theo mà người ta tự theo, chỉ nói đạo lí mà không nói báo ứng, chỉ nói lúc đương sống mà không nói lúc đã chết, mọi việc đều rõ ràng minh bạch như mặt trời giữa ban ngày, như bẻ lớn núi cao, giản dị mà có thú vị, đạm bạc mà có văn chương, khiến cho người ta có thể trông thấy mà không đến nơi được, có thể theo mà không chán”. Cuối cùng cụ Phan kết luận: “Lớn thay đạo Khổng! Đạo Phật, đạo Dato làm sao có thể sánh kịp”⁽⁴⁾.

Ở một đoạn khác, Cụ còn dẫn lời Khổng Tử: “Chưa biết được lẽ sống thì làm sao biết được lẽ chết” và lấy đó làm hệ quy chiếu để phê phán Phật giáo, Công giáo vì hai tôn giáo này bàn đến chuyện sống chết, trong khi thực tế chưa ai trở về từ Thiên đường, Địa ngục để kiểm chứng cả. Một kiểu phê phán theo

2. Sđd. Tập 2. tr. 82.

3. Dẫn theo: Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám*. Tập 1, Nxb. Tp. HCM, 1993, tr. 132.

4. *Phan Bội Châu...*, Sđd. Tập 1, tr. 163.

kinh nghiệm luận, vẫn chỉ là “lấy lẽ mà suy” hay “Thân ta chưa từng làm nên ta không dám tin, mắt ta chưa từng thấy nên ta không dám tin”. Nhưng cũng có lúc Phan Bội Châu tiến xa hơn, tiếp thu cái duy vật luận của Trương Tải, hơi hướng chu dịch “bí cùng tắc biến”, hơi hướng Phật và tín ngưỡng dân gian “ở hiền gặp lành”, “hết phen bỉ cực đến hồi thái lai”, cho mọi vật luôn biến đổi vận động không ngừng nên không cái gì là mãi mãi. Cụ khẳng định: “Cái gọi là trời chẳng qua là lẽ phải mà thôi. Làm ác cho người lành, gieo vạ cho người ác, lẽ phải vốn thế,... Chưa nói ý Trời thế nào, nhưng theo lẽ phải thì không thể gì lâu dài được,... Không bàn ý Trời thế nào nhưng theo lẽ phải thì há lẽ phải chịu nhục nhả lâu dài”⁽⁵⁾.

Lần khác, Cụ triết tự chữ “thiên” gồm chữ “nhị” đặt ngang chữ “nhân”: “chữ ấy có nghĩa là người sánh được với trời, mà dấu trời cũng chỉ sánh đôi được với người mà thôi”. Một khi người được đặt ngang trời thì thần cũng bị hạ xuống tức thì: “Quý thân có phận sự của quý thân, chúng ta có phận sự của chúng ta, lẽ âm dương hai bên không liên quan đến nhau”⁽⁶⁾. Phan Bội Châu nói thế là đang chống lại quan điểm tôn thần, lệ thần, chống lại quan niệm số mệnh tại Trời, “thiên nhân tương cảm” vốn phổ biến trong nhân dân ta và giới Nho sĩ. Với Cụ, con người là độc lập, thần thánh là bên ngoài, số phận của con người do con người tự quyết định chứ không lệ thuộc vào thần thánh, ma quỷ nào cả. Nhưng có lẽ, do ảnh hưởng bởi tư tưởng dân chủ và nhận thấy dân ta quá tín ngưỡng lệ thuộc vào thần nên có lúc cụ còn cho con người có quyền chống cả Thượng Đế: “Thượng Đế nếu một ngày chuyên chế thái thậm thời nhân loại chúng ta tự

khắc phản động mà lấy lực lượng mà tự mình lập lấy một nhân quốc”⁽⁷⁾.

Năm 1935, trong bài phát biểu *Chuyện mê tín quỷ thần với học thuyết Phương Đông* đăng trên báo *Tiếng Dân*, Cụ đã dẫn lời Khổng, Mạnh, dẫn cả kinh Phật để chứng minh Khổng, Mạnh và Đức Phật không nói đến thần với tư cách một đáng sáng thế, và rồi cụ rút ra nhận xét: “...thời thần chỉ là chân lí tự nhiên với nghĩa vụ đương nhiên mà đến khi tác dụng lại thiêng liêng hoạt động” và: “các thánh triết Phương Đông ngày xưa dẫu có nói đến thần, chỉ là ở nơi chân lí, vẫn có nói Phật nhưng Phật chỉ ở nơi tâm linh, thiết không bao giờ bảo người ta mê tín”⁽⁸⁾. Qua nhận xét đó chúng ta thấy Phan tiếp tục phát triển và thêm khẳng định quan niệm thần tức là chân lí, quy luật tự nhiên.

Phủ nhận số mệnh, thần thánh, Phan Bội Châu dựa vào Khổng Tử. Cụ tiếp cận cả kinh Phật mà cụ cho là “thần học cao diệu và tinh thâm nhất ở Phương Đông”⁽⁹⁾. Tương tự, để hiểu về đạo Công giáo, Cụ Phan tìm đến ngọn nguồn lịch sử khi chúa Giêsu hành đạo. Cụ viết:

“Datô lúc nhỏ có nhiều việc là kì lạ. Chuyên một lòng cứu nhân độ thế. Về sau lập ra một tôn giáo... Lúc bấy giờ các nước Châu Âu còn là thời đại dã man, thấy một người khởi xướng các điều răn như vậy thì có người chửi mắng, dèm chê, có người đánh đập hãm hại cho đói rét, hoặc bắt phải tội chết. Datô và 12 môn đồ bị nhục vì tai ách đó không biết bao nhiêu lần. Rồi bão táp qua đi, trời đất

5. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 1, tr. 162.

6. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 1, tr. 161.

7. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 1, tr. 189.

8. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 1, tr. 305.

9. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 1, tr. 307.

lại yên vững. Lòng truyền giáo hành đạo trải qua muôn vàn gian khổ vẫn không chút biến đổi. Mãi về sau Datô bị đóng đinh vào cây chữ thập. Đá vàng có thể vỡ, sông biển có thể nhào, nhưng qua nghìn vạn năm, con người ấy vẫn được sùng bái thờ phụng. Thật xứng đáng⁽¹⁰⁾.

Trước Phan Bội Châu chưa một nhà Nho nào dùng những lời lẽ trang trọng và hết sức kính phục ấy khi nói về Đức Chúa. Các nhà Nho nhắc đến Công giáo là nhắc đến trong sự đả kích “tả đạo dị đoan mê hoặc nhân tâm”, phá bỏ luân thường đạo lí thánh hiền, khiến nhân dân quay lưng lại với truyền thống văn hoá dân tộc và phản bội Tổ quốc. Không như những nhà Nho trước đó, Phan gạt bỏ thành kiến, quan tâm tìm hiểu về đạo và cũng gạt luôn cả cái thần bí tôn giáo đến thẳng với Giêsu để thấy Giêsu là một nhân vật lịch sử, một vị anh hùng cứu nhân độ thế dám hi sinh vì lí tưởng và vì nhân loại.

Theo cụ Phan, loài người tuy hành động khác nhau, nhưng quy lại chỉ có ba chủ nghĩa: xu thế, yếm thế và cứu thế. Là con người hành động, cho nên đối với Phan, chủ nghĩa xu thế, yếm thế đều không đáng kể tới vì không đóng góp được gì cho đời, chỉ có những người theo chủ nghĩa cứu thế là được Cụ “cung kính và sùng bái”. Đức Chúa chính là người đã đề xướng và thực hành cái chủ nghĩa cứu thế. Tương tự như vậy, trong tác phẩm: *Quan niệm của tôi đối với văn chương*; cụ không tiếc lời ca ngợi Đức Chúa, Đức Phật là những người lập đức lớn, đứng hàng đầu trong ba bậc lập công, ngôn và đức: “Lập đức là một hạng người dựng nên một nền đạo đức. Tỉ như đức Phật Thích Ca, Đức Thánh Giêsu, mỗi người có lập thành một cái khuôn đạo đức trong

đời. Đức Thích Ca thì cốt cái chủ nghĩa Phật với chúng sinh bằng một lớp Phật sinh bình đẳng, Đức Giêsu thì cốt cái chủ nghĩa yêu người như yêu mình (ái nhân như kỉ); thật rõ ràng là người lập đức mà ở trong loài người không ai siêu việt hơn được⁽¹¹⁾.

Như vậy, chúng ta thấy quan điểm của Phan Bội Châu theo thời gian mà có sự biến đổi, từ tránh không bàn, hoài nghi đến phê phán thần thánh. Cụ đã tiếp thu quan điểm duy vật sơ khai trong học phái Nho gia của Trương Tải, trong Chu dịch, trong quan niệm dân gian và thậm chí là quan điểm dân chủ khi tách thần với người, thế giới siêu nhiên ra khỏi hoạt động của con người, coi trọng tính quy luật, vòng tuần hoàn của tự nhiên. Độc đáo hơn, Phan Bội Châu tìm hiểu Phật giáo, Kitô giáo bằng cách bỏ qua tính chất thần bí tôn giáo, bước qua cái vỏ huyền thoại để tìm đến với Đức Phật, Đức Chúa không phải như những đấng siêu nhiên quyền phép mà là những nhân vật lịch sử mà Cụ vô cùng cung kính, bái phục vì họ đã khai mở con đường đạo đức cho nhân loại.

Phê phán tín ngưỡng, tôn giáo

Là một nhà cách mạng, Phan Bội Châu bàn về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm mục tiêu phục vụ cách mạng. Cụ rất chú ý phê phán tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể là phê phán trên hai bình diện mê tín và chính trị.

Hoạt động cách mạng ở đầu thế kỉ XX, Phan sớm nhận ra ngoài Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội và con người Việt Nam thì tục thờ thần, thờ ma quỷ cũng rất thịnh, khiến người Việt mang nặng óc mê tín, dễ tin vào chuyện

10. *Phan Bội Châu...*, Sđd, Tập 2, tr. 463.

11. *Phan Bội Châu...*, Sđd, Tập 4, tr. 223.

hoang đường, dị đoan ma quỷ. Phan gọi đó là “thần quyền”. Cụ viết: “Người Việt Nam mọi việc đều cầu ở thần, bả ở thần, phẩm lễ thờ thần thật là trọng hậu, thật là cẩn thận. Thậm chí có khi đến cả những khối đá quái gở, gốc cây cổ thụ, rừng hoang mả vắng, cũng liệt vào hạng thần cứu nhân độ thế⁽¹²⁾. Lập luận “có thờ có thiêng, có kiêng có lành” ăn sâu vào ý thức người Việt khiến họ rất chăm chỉ cúng lễ, coi trọng việc tế tự.

Là nhà cách mạng cổ súy và lãnh đạo phong trào Duy Tân, lập công, thương, học hội tự cường dân tộc nên Phan đấu tranh không khoan nhượng với những gì cản trở tới công cuộc “chấn hưng dân trí, mở mang dân khí”. Vì thế, chúng ta sẽ thấy cụ Phan phê phán gay gắt các hủ tục, hành vi mê tín và coi nó như sự đồi bại đối với phong tục nước nhà. Phan dẹp quỷ thần sang một bên, khuyên “đạo quý thân kính mà xa không nên dăm đuối, không nên mê muội⁽¹³⁾. Cụ lại càng đả kích quyết liệt thái độ lừng khừng phó mặc vận mệnh cho thần thánh, gọi đó là sự “ngu ngốc”, “dốt nát”, “u mê”: “Hôm nay thần truyền thế này, ngày mai thần truyền thế kia, chết đến trước mắt mà còn trông thần cứu mình, chờ thần giúp mình, quanh năm suốt tháng chôn đầu vào đất, dấn mình vào đất thì còn mong gì nảy nở tư tưởng nữa⁽¹⁴⁾.”

Với mong muốn phát triển kinh tế đất nước, mở mang dân trí nước nhà, cụ Phan đã tìm câu trả lời ở những nước Phương Tây và nhất là ở Nhật Bản, người anh em chủng tộc da vàng nhưng sớm lớn mạnh, từng đánh bại cả đội quân Nga trắng. Cụ đến Nhật Bản thực tế quan sát đời sống tinh thần của họ và đọc sách về các nước Phương Tây, từ đó rút ra những hạn chế của con người và xã hội

Việt Nam. Cụ nhấn mạnh 3 tập quán cần thay đổi ở Việt Nam là:

1. Việc hôn nhân
2. Việc thờ cúng
3. Việc tang ma

Các hủ tục này không những là gánh nặng phiền hà cho gia đình mà còn gây tổn kém thời gian và tiền bạc cho toàn xã hội. Cụ viết: “Nước thịnh là nhờ có nhân dân. Dân được cường thịnh là nhờ có sự nghiệp công ích, như ngân hàng, thương cục, nông xã, công trường, học đường, đường sắt, điện cục, tàu thuyền... Những việc đó đều do dân tộc toàn lực ra mà làm thành. Đó tức là những việc lợi ích nhân dân đóng góp cho triều đình. Nay những việc đó nước ta không thể làm được... vì không có tiền của. Sở dĩ không có tiền của là vì tiêu phí vào những việc vô ích sa hoa rồi⁽¹⁵⁾. Những việc “vô ích sa hoa” Cụ nói đến đó chính là những việc hôn nhân, tang tế và nhất là thờ cúng thần thánh. “Xem như phong tục nước ta gương trước đã rành rành rồi đó, làng nào tế thần nhiều tốn phí trâu bò xôi thịt nhiều, thời đến nổi dân làng ngày càng cùng, của ngày càng hao, nhân đình ngày càng mòn, cầu phúc mà xúc lấy họa, việc đó không nên cải cách hay sao?⁽¹⁶⁾” Cụ chủ trương cúng thần thật đơn giản sao cho ít tốn kém nhất nhưng vẫn đảm bảo trang trọng, thành kính. Trong bài *Bài văn hợp tự chư thần*, Cụ còn đưa ra chủ trương “hợp nhất tất cả các vị thần vào một sở, mỗi năm chỉ tế hai lần, và tế chỉ cốt thành tâm cung kính, ngoài ra thì hương đèn nước trong

12. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 1, tr. 156.

13. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 1, tr. 156.

14. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 1, tr. 156.

15. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 2, tr. 394.

16. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 4, tr. 72.

mà thôi”⁽¹⁷⁾. Cụ phê phán thái độ giả dối của con cháu lừa bịp người đời cúng tế cha mẹ mâm cao cỗ đầy, phê phán việc tế tự chỉ là tranh giành ăn uống rồi đổ tiếng tham cho thần. Cụ viết: “Nếu thần không thiêng, tế có ích gì? Nếu thần có thiêng, thời càng tế càng đau lòng thần”⁽¹⁸⁾.

Phê phán thần quyền, mê tín của người Việt Nam, cụ Phan chống lại tư tưởng lệ thuộc vào thần thánh, tiêu tốn thời gian, tiền bạc vào việc thờ phụng trong khi đất nước đang cần sự đóng góp sức người sức của để phục hưng. Phan cho rằng thần thánh không đem may rủi đến cho con người và ngược lại, con người cũng không nên băn khoăn về chuyện thần thánh, trông chờ cái từ bên ngoài đưa đến. Cụ viết: “Ta ở dương thế chỉ bàn việc ở dương thế thôi. Làm vua thì phải làm sao cho hết đạo nhân, làm tôi thì phải làm sao cho hết đạo kính, làm cha thì phải làm sao cho hết đạo từ, làm con thì phải làm sao cho hết đạo hiếu, làm dân nước thì phải làm sao cho nước giàu dân mạnh”⁽¹⁹⁾. Ý Cụ muốn nói, con người sống trên thế gian phải xác định trách nhiệm, bổn phận với gia đình và xã hội, phải làm tốt các bổn phận và trách nhiệm đó. Phan lại viết: “Ta thì cho người ta lúc sống, phải xem thân xác ấy như vàng như ngọc, phải làm sao cho thân thể sống ấy thành anh hùng hào kiệt, đến khi chết rồi thì chôn đi cũng được, vứt đi cũng được, đốt đi cũng được, không nên hỏi đến làm gì nữa, như thế chả là tốt hơn sao?”⁽²⁰⁾. Phan Bội Châu nói thế là vì Cụ muốn khuyên mỗi người hãy xem trọng sự sống, coi nhẹ sự chết, phải dấn thân vào phục vụ xã hội.

Cũng xuất phát từ chủ đích tôn giáo phục vụ cách mạng, phục vụ đất nước cho

nên chúng ta thấy Phan còn trở về với quan niệm truyền thống “Phật tại tâm” để khuyên nhủ tín đồ các tôn giáo.

Đối với những người tin vào thần thánh: “...lòng mình tức là thần... yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, cứu nhân dân, giết kẻ thù, các người mà biết giữ được tấm lòng ấy thì các người đã là thần rồi. Cần gì cầu thần ở ngoài đến”⁽²¹⁾.

Đối với tín đồ đạo Phật: “Tất cả mọi thứ trên đời đều ở tại lòng mình, tâm tức là Phật. Tâm đức tốt nhất không gì bằng công đức. Công đức rất lớn không gì bằng tấm lòng yêu nước. Ta có tấm lòng yêu nước thì ta tức là Phật”, “mọi người biết yêu nước tức mọi người đều là Phật”⁽²²⁾.

Các tập tục mê tín trong nhân dân, Phan nhận thấy một mặt là do “cổ lệ thiên lí”, mặt khác là do thực dân Pháp triệt để lợi dụng làm công cụ ngu dân thống trị, cho nên Phan càng nhiệt liệt cổ vũ cho tinh thần nhập thế, lối sống thiết thực.

Quá trình tuyên truyền cách mạng, bên cạnh khó khăn về đầu óc mê tín, lệ thần của nhân dân ta, Phan còn vấp phải một khó khăn lớn đó là sự kì thị, mâu thuẫn lương giáo rất sâu sắc xuất phát từ ấn tượng nặng nề của hầu hết nhân dân coi đồng bào bên giáo là những kẻ thân Pháp, quay lưng lại với dân tộc. Vì thế, muốn đoàn kết lương giáo chống pháp điều trước tiên là phải lật tẩy được chính sách “tôn giáo tiêu diệt giống nòi” của thực dân Pháp đối với Việt Nam.

17. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 4, tr. 73.

18. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 4, tr. 72.

19. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 4, tr. 161.

20. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 4, tr. 161.

21. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 4, tr. 156.

22. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 3, tr. 245.

Trước hết là vấn đề “tôn giáo xâm lược nước người”. Trong *Thiên hồ đế hồ*, Phan cho rằng từ rất sớm thực dân Pháp đã mượn cơ buôn bán và truyền giáo để thăm dò nước ta chuẩn bị cho công cuộc thực dân. Nhân vật điển hình được Phan nhắc tới là Giám mục Pinhô (Pigneau de Béhaine). Phan viết về vị giám mục này: “mắt sâu hoáy, con người xanh biếc, râu xồm chòm cả mặt, nhìn qua biết ngay là người nhiều tham vọng mà lại giáo quyết... Tuy ông ta sang với tư cách người đi truyền giáo cho Giáo hội, nhưng mục đích chính là phụ trách “đội tiên phong” xâm lược nước ngoài làm đất thực dân cho Pháp. Ông ta tự xưng là con chúa trời và là kiếp sau của Giêxu Crít, nhưng óc ông ta thì chứa đầy chính sách “đế quốc chủ nghĩa” của Napôlêông. Ông ta vẫn tụng niệm câu “yêu người như yêu mình” của Giêxu Crít, nhưng đó chỉ là đạo đức đầu miệng, tuyệt không phải đạo đức trong lòng. Vì thế cho nên, vừa đặt chân lên Đông Dương ông ta liền tính ngay việc tìm một khu vực thực dân cho Pháp⁽²³⁾. Sau đó Phan nhắc đến sự kiện Nguyễn Ánh gặp gỡ Pinhô và nhờ sang Pháp xin trợ giúp, sự kiện Pháp đánh Việt Nam đòi tự do tôn giáo và hiệp ước Hác - măng khiến Việt Nam hoàn toàn rơi vào tay Pháp. Phan nhận xét: “Kể ra việc người Pháp đánh nước Việt Nam phải trải qua hàng nửa thế kỉ, sau đó toàn cõi Việt Nam mới mất, nhưng họ đều căn cứ vào chính sách trước đó của nhà tôn giáo là đức cha Pinhô. Ta có thể nói Pinhô là người gieo hạt, còn những người theo sau chỉ là kẻ hái hoa ăn quả mà thôi. Công lao của nhà tôn giáo kẻ cũng to lớn vậy thay⁽²⁴⁾”.

Đọc những dòng trên chúng ta nhận thấy cụ Phan có ấn tượng rất nặng nề

không chỉ với người Pháp mà với cả các giáo sĩ truyền giáo ở Việt Nam. Ấn tượng này là rất phổ biến trong nhân dân lúc bấy giờ. Cũng như các Nho sĩ và phần lớn nhân dân, cụ Phan cho rằng tôn giáo là một nguyên nhân khiến Pháp xâm lược Việt Nam, các nhà truyền giáo là những kẻ mở đường cho công cuộc thực dân.

Sau khi thành công trong chính sách “tôn giáo xâm lược nước người”, Pháp tiếp tục thực hiện chính sách “tôn giáo thống trị nước người”. Phan cho rằng các giáo sĩ đã không thực hiện tôn chỉ của đạo mà thi hành một chính sách bất công trong cai trị nhân dân Việt Nam, khiến nhân dân Việt Nam trở thành nô bộc của nhà tôn giáo. Phan viết: “các đức cha, các thầy tu truyền giáo người Pháp ở Việt Nam, ai cũng thỏa được dục vọng, ai cũng giàu sang, còn người Việt Nam ở dưới ách của nhà tôn giáo thì hàng ngày chỉ đem thân trâu ngựa phục vụ cho họ mà thôi⁽²⁵⁾”. Những ý kiến trên của Phan Bội Châu, như chúng ta đã thấy, không tránh được sự cực đoan. Nhưng chúng ta sẽ thấy sau đó cụ Phan có cái nhìn đúng đắn hơn trong *Quang phục quân phương lược* khi cho phép các giáo sĩ Pháp được tự do đi lại truyền đạo và được “bản quân che chở”.

Đoàn kết tôn giáo

Phan Bội Châu bàn về Trời, Thần, Phật, Thiên Chúa, phê phán tín ngưỡng, tôn giáo thì mục đích cuối cùng cũng là để đoàn kết toàn dân đánh thực dân Pháp giành độc lập dân tộc. Quá trình tuyên truyền cách mạng ở một nước đa tộc người, đa tôn giáo như Việt Nam, vấn đề tôn giáo là một trở ngại rất lớn, nhất là

23. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 3, tr. 517.

24. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 3, tr. 520.

25. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 3, tr. 524.

khi thực dân Pháp sử dụng tôn giáo khoét sâu mỗi bất đồng dân tộc. Chính vì thế Phan phải vượt lên trên những định kiến đương thời làm chiếc cầu nối giữa lương với giáo.

Tuy có lúc đứng trên quan điểm Nho giáo phê phán các tôn giáo khác khá gay gắt và không khỏi có phần cực đoan nhưng cũng không phải vì thế mà Cụ Phan phủ nhận những giá trị tốt đẹp của tôn giáo, sự đóng góp tích cực của tôn giáo vào đời sống văn hóa tinh thần và sự phát triển của xã hội. Cụ đánh giá Phật giáo là “thần học cao diệu và tinh thâm nhất Á Châu”, ca ngợi 10 điều răn của Thiên Chúa. Cụ coi Khổng Tử cùng các nhà sáng lập các tôn giáo như Thích Ca, Giêsu là những bậc vĩ nhân đứng ở vị trí cao nhất trong loài người, sánh cùng bậc “sáng thế”. Cụ nhận thấy Công giáo có những ưu điểm mà con người Việt Nam, các nhà chính trị cần xem xét để tiếp nhận. Trong *Việt Nam vong quốc sử khảo*, cụ Phan chỉ ra 4 ưu điểm, lợi ích, đó là:

“1. Thiên Chúa giáo chú trọng việc tương thân tương ái, biết hợp quần đoàn thể, có cái cảm tình không ước hẹn mà đồng tâm (xem chỗ giáo dân tụ tập nghe giảng đạo, thì thấy ngay được sự tương thân tương ái).

2. Thiên Chúa giáo chú trọng về linh hồn mà coi khinh thể xác, cho nên khi dôn ra làm việc nghĩa thì có được cái phong thái coi nhẹ việc sống mà dám chết...(Xem lúc giao chiến, nếu có giáo dân tham gia thì thấy họ là những người coi đi đến cái chết như đi về nhà).

3. Thiên Chúa giáo đều biết: trước hãy lo công lợi đã, sau mới đến tư ích, trước lo việc nước, sau mới đến việc nhà. Khi nào làm việc lợi ích công cộng cho toàn

xã hội thì toàn thể mọi người tin yêu nhau, nên dễ bề tập hợp...

4. Thiên Chúa giáo chuyên chú trọng về thờ phụng Thượng Đế, không thờ thần nào khác cho nên bớt được tất cả mọi sự tổn kém vô ích về tế tự⁽²⁶⁾

Như vậy, không như các nhà Nho trước đây lấy tam cương ngũ thường, lấy tập tục nước nhà làm vũ khí phê phán Công giáo, ngược lại, với đầu óc thực tế hơn, với mong muốn phát triển đất nước, Phan công kích tất cả những gì Cụ thấy là yếu kém, hủ bại của văn hóa, tập quán dân tộc, thừa nhận những cái hay, cái tốt đẹp của Công giáo mà dân tộc Việt Nam có thể tiếp thu.

Trong công cuộc vận động cách mạng, Phan không thờ ơ hay bỏ quên bất kì thành phần nào của dân tộc. Trong *Việt Nam vong quốc sử*, 5 hạng người đoàn kết có giáo dân, trong *Hải ngoại huyết thư* Cụ cũng đưa giáo đồ Công giáo vào 10 hạng người đồng tâm. Đó là một cái nhìn khác so với quan niệm đương thời.

Khác với quan niệm cực đoan khi nói về giáo sĩ ngoại quốc, đối với người giáo dân, trước hết Cụ xác định họ cũng là người Việt Nam, là người cùng giống để đặt trong mối quan hệ đối nghịch với người Pháp là kẻ khác giống:

“Người cùng giống phải yêu người cùng giống, người cùng giống phải cứu người cùng giống, chia đường cùng nhau tiến, hết sức làm cho người Nam thoát khỏi địa ngục của người Pháp mới thôi⁽²⁷⁾.

Cụ lập luận rằng, tuy người Pháp cũng theo Công giáo nhưng đối với

26. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 2, tr. 465.

27. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 2, tr. 210.

người Việt Nam Công giáo, người Pháp vẫn là kẻ thù “không đội trời chung”, bởi vì người Pháp nghịch đạo, không vâng theo tôn chỉ bình đẳng bác ái của Chúa, lợi dụng đạo phục vụ âm mưu xâm lược và thống trị nhân dân Việt Nam. Đồng thời, Phan cũng giải thích với người bên lương: “Thấy người Pháp bất nhân bất nghĩa, tham dân hung ngược nên người của đạo Thiên Chúa với Pháp như nước với lửa, thì còn bênh gì bọn Pháp”⁽²⁸⁾. Đã cùng ghét Pháp, thù Pháp, lại là anh em đồng bào thì lại càng phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, có lí nào lại chia rẽ nghi kỵ. Hơn nữa, việc đánh Pháp, theo cụ Phan, không phải chỉ là đánh kẻ thù dân tộc mà còn là đánh kẻ thù trong giáo. Phan muốn làm cho người giáo dân hiểu rằng trách nhiệm, bổn phận công dân đồng nhất với trách nhiệm, bổn phận tín đồ. Người Công giáo đánh Pháp tức là đang đồng thời tiến hành cả hai thứ trách nhiệm và bổn phận đó. Phan viết:

“...dân Datô là dân nước Việt Nam, tất nhiên là không theo nước Pháp, tất nhiên là không chịu đi giúp người Pháp để hại nước Việt Nam. Như thế mới là dân Thiên Chúa giáo, như thế mới là dân của đạo Thiên Chúa cứu thế, như thế mới là dân đồng bào nước Việt Nam. Nếu có ai không chịu giết người Pháp, nhẵn tâm nhìn người Pháp làm hại người Việt, tức là không phải dân Thiên Chúa giáo, tức là trong đạo Thiên Chúa cứu thế không có thứ đạo lí ấy, hơn nữa trong đồng bào Việt Nam không có cái giống người ấy”⁽²⁹⁾.

Tất nhiên, điều đó không có nghĩa cụ coi tất cả mọi người Công giáo đều yêu nước, nhưng cụ cho rằng số phần bội Tổ quốc theo đuôi giặc thì không riêng người Công giáo. Cụ có nhận xét chí tình:

“Đó là tội của một vài người cá biệt chứ không phải tội của Công giáo,... nếu chỉ vì một vài tư nhân mà chỉ trích toàn giáo thì khác gì giận con rắn mà đốt cả cái áo, vì có đá mà vất cả viên ngọc, thì thật không thông việc đời quá lắm”⁽³⁰⁾. Nói như thế là Cụ đang phân bua với người lương về hiểu lầm bấy lâu cho rằng cứ theo Công giáo tức là theo Pháp.

Cùng với sự hiểu lầm về thái độ chính trị, Phan cũng nói tới sự hiểu lầm trên phương diện tôn giáo, bấy lâu người dân nghi ngại về “hành tích” người Công giáo có vẻ bí ẩn, lạ lẫm. Phan gạt bỏ điều đó và nói cho người lương hiểu rõ hơn về đạo: “Cái mà giáo dân đi theo là đạo Thiên Chúa. Chúa Trời lấy cứu đời làm lòng, lấy công ái làm đức, lấy việc không tham không giết làm tôn chỉ”⁽³¹⁾.

Bên cạnh đó, Phan Bội Châu còn quan niệm tôn giáo là “lẽ sống tinh thần của một nước”, sự khác nhau về tôn giáo do đó không nên và không được là nguyên nhân mâu thuẫn. Trong *Tạp kí* Phan đưa ra hình ảnh so sánh rất hay: người theo các tôn giáo khác nhau chẳng qua cũng như anh em trong một nhà thờ lạy các ông thầy khác nhau, nhưng không lẽ khi chưa có đạo anh em còn là anh em, nhưng khi có đạo anh em không còn là anh em? Điều đó thật phi lí vì Đức Phật, Đức Không Tử, Đức Chúa đều chủ trương nhân ái, từ bi, xả thân cứu đời. Việc tranh chấp tôn giáo diễn ra trong bối cảnh mất nước thì lại càng không nên. Phan viết: “Không nên bàn tôn giáo nào phải hay trái mà chỉ nên bàn nước mình mạnh hay yếu, không nên bàn tôn giáo

28. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 2, tr. 210.

29. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 2, tr. 153.

30. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 2, tr. 466.

31. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 2, tr. 465.

giống nhau khác nhau, mà nên bàn nước còn hay mất. Hãy một lòng yêu nước yêu nòi, liều chết chống giặc. Hãy một lòng vì nghĩa. Nếu được như thế thì không cần phải bàn là theo đạo Khổng, đạo Phật hay đạo Datô. Về sau muốn theo đạo nào cũng còn nòi giống để mà theo. Nếu không thế thì nòi mất rồi, giống tuyệt rồi, lấy đâu mà tôn sùng làm sáng lớn tôn giáo nào nữa”⁽³²⁾.

Như vậy, theo Phan Bội Châu, vấn đề hàng đầu của tất cả các tôn giáo là vấn đề dân tộc. Tôn giáo không thể đứng ngoài dân tộc, bởi vì quyền lợi, sự tồn vong, phát triển của tôn giáo gắn với quyền lợi, sự tồn vong, phát triển của dân tộc. Chính vì có quan niệm như thế nên mặc dù tôn sùng Nho học nhưng cụ vẫn chủ trương tự do tôn giáo, một tư tưởng không mới ở Phương Tây lúc bấy giờ nhưng vẫn mới ở nước ta và mới đối với các nhà Nho.

Kết Luận

Phan Bội Châu là nhà cách mạng chuyên nghiệp, Cụ bàn đến Trời, Thần, Phật, Thiên Chúa, đi vào lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo không phải với tư cách một nhà nghiên cứu tôn giáo, nhà triết học, thần học. Phan Bội Châu đi vào lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo là bởi vì trong quá trình tiến hành cách mạng, vấn đề tôn giáo đặt ra ở một số khía cạnh chính trị, xã hội cần phải giải quyết, có giải quyết tốt mới đoàn kết được toàn dân, tập hợp được lực lượng chống Pháp và phát triển

xã hội. Vì thế chúng ta thấy cụ Phan bàn nhiều, phê phán nhiều về tín ngưỡng tôn giáo trên phương diện văn hoá, xã hội, chính trị. Cho dù có lúc bàn về Thần đấng, Phật đấng, Chúa đấng nhưng vẫn phảng phất đâu đó hình bóng những nhân vật lịch sử, những anh hùng xả thân cứu đời. Tất nhiên, tư tưởng của cụ Phan còn hạn chế khi Cụ đứng trên lập trường Nho giáo, lấy triết thuyết nho giáo làm công cụ phê phán, và đôi lúc cũng không tránh khỏi tư tưởng cực đoan, tư tưởng tự tôn và tự mâu thuẫn. Tuy vậy, tiến bộ lớn không thể phủ nhận của Cụ là kế thừa được dòng tư tưởng tiến bộ trước đó của Đặng Đức Tuấn, Nguyễn Trường Tộ về tự do, bình đẳng tôn giáo. Cụ có sự phân biệt rõ ràng giữa tôn giáo với chính trị, tuy có phần quy chụp đối với các giáo sĩ Phương Tây, nhưng với giáo dân là nhân dân Việt Nam thì nhận định của Cụ có phần công bằng và nhân ái. Đặc biệt, Cụ chỉ ra được điểm đồng nhất giữa bốn phận công dân với bốn phận giáo dân, khẳng định tín đồ các tôn giáo hoàn toàn có thể đồng hành trên con đường dân tộc. Nói cách khác, Cụ là người đầu tiên đưa ra con đường “kính chúa yêu nước” một cách thuyết phục nhất. Và có lẽ vì thế mà dưới sự lãnh đạo của Cụ nhiều giáo sĩ, giáo dân đã nhiệt tình tham gia phong trào yêu nước kháng Pháp vào đầu thế kỉ XX, tạo cho phong trào một diện mạo khá độc đáo. /.

32. Phan Bội Châu..., Sđd, Tập 2, tr. 202.